

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44 /2011/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2011

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: <u>448</u>
	Ngày: <u>25/4</u>
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên
địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư 07/TT-BKH ngày 30 tháng 03 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ/UBND ngày 18 tháng 01 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Công an; Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị

tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các đoàn thể, tổ chức có liên quan; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ; KH-ĐT, TC;
- UB công tác về các tổ chức PCPNN;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TV Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Báo TTH, Công GTĐT TT Huế;
- Lưu VT, TC, VX, ĐN.



Nguyễn Văn Cao

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ Phi chính phủ nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Kèm theo Quyết định số 11 /2011/QĐ -UBND ngày 23 tháng 4 năm 2011
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý và sử dụng các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (gọi tắt là viện trợ PCPNN) trên địa bàn tỉnh.

2. Bên tài trợ trong Quy chế này bao gồm các tổ chức Phi chính phủ nước ngoài (gọi tắt là tổ chức PCPNN), các tổ chức và cá nhân người nước ngoài khác, kể cả các tập đoàn, công ty có vốn nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài tôn trọng và chấp hành pháp luật Việt Nam, có thiện chí, cung cấp trực tiếp viện trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của Việt Nam.

3. Các phương thức cung cấp viện trợ PCPNN, bao gồm:

- a) Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.
- b) Viện trợ phi dự án (bao gồm cả cứu trợ khẩn cấp).

4. Các đối tượng được tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN tiếp nhận (sau đây được gọi là Bên tiếp nhận) gồm:

- a) Các cơ quan Nhà nước, Ủy ban Nhân dân thành phố/thị xã/huyện.
- b) Các tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam.
- c) Các tổ chức thuộc các hội hoặc Liên hiệp hội được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam).
- d) Các tổ chức, bao gồm:

- Các hội, hiệp hội được thành lập theo quy định của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

- Các tổ chức Việt Nam hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ được thành lập theo quy định của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

- Các tổ chức Việt Nam được thành lập theo quy định của Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

- Các cơ sở bảo trợ xã hội do tổ chức trong nước thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

- Các tổ chức được thành lập theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;

- Các tổ chức được thành lập theo Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

- Các tổ chức phi lợi nhuận khác.

đ) Các tổ chức kinh tế (bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân) sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được quy định tại Nghị định số 31/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (chỉ được tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN có mục tiêu, nội dung phù hợp sản phẩm, dịch vụ công ích mà tổ chức sản xuất, cung ứng).

Đối với các tổ chức khác, việc tiếp nhận viện trợ sẽ được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn trên cơ sở công khai, minh bạch phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quy chế này phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Sau 06 tháng kể từ ngày được phê duyệt, nếu chương trình, dự án vẫn chưa triển khai được hoạt động nào mà không có lý do chính đáng, đơn vị tiếp nhận phải báo cáo để Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Quyết định phê duyệt chương

trình, dự án đã ban hành và thông báo cho Bên tài trợ về việc thu hồi Quyết định phê duyệt chương trình, dự án.

Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng viện trợ PCPNN

1. Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của Tỉnh, các lĩnh vực cần ưu tiên vận động viện trợ PCPNN được xác định như sau:

a) Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản) kết hợp xóa đói giảm nghèo.

b) Phát triển hạ tầng cơ sở xã hội (y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số...).

c) Bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

d) Tăng cường năng lực thể chế, quản lý, kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực; chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

đ) Các hoạt động nhân đạo.

2. Một số lĩnh vực khác theo thực tế của địa phương.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PCPNN

Điều 4. Công tác vận động viện trợ PCPNN

1. Vận động viện trợ PCPNN cho các mục tiêu phát triển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, chương trình đầu tư công cộng, định hướng và kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của địa phương trong từng thời kỳ; trên cơ sở năng lực tiếp nhận (kể cả nguồn vốn đối ứng) của Bên tiếp nhận.

2. Vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của Bên tiếp nhận trong từng thời kỳ.

Điều 5. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Các cơ quan, địa phương căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, định hướng phát triển ngành hoặc địa phương, xác định nhu cầu sử dụng vốn PCPNN của đơn vị, chủ động hoặc theo hướng dẫn lập đề xuất danh mục dự án yêu cầu viện trợ của đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư vào cuối tháng 3 hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ tổng hợp danh mục dự án yêu cầu sử dụng vốn viện trợ PCPNN từ các đơn vị, chủ trì phối hợp với các Sở: Ngoại vụ, Tài chính và các sở ngành có liên quan để thống nhất trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định ban hành danh mục các dự án vận động viện trợ PCPNN hàng năm của tỉnh.

3. Sở Ngoại vụ có nhiệm vụ tiếp xúc và vận động các tổ chức PCPNN trên cơ sở danh mục dự án vận động viện trợ PCPNN hàng năm đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ trì hoặc ủy quyền cho Sở Ngoại vụ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, và các ban ngành, địa phương liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ PCPNN thuộc danh mục dự án vận động đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Việc ký kết và thực hiện văn kiện chương trình, dự án hoặc Thoả thuận viện trợ PCPNN chỉ tiến hành sau khi văn kiện, chương trình dự án hoặc bản dự thảo Thoả thuận viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN đã được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên Tài trợ.

Chương III

CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TIẾP NHẬN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của ngành, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) thì chủ khoản viện trợ PCPNN tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.

3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ PCPNN.

Điều 8. Nội dung chủ yếu và hồ sơ của khoản viện trợ PCPNN

1. Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình, dự án trong khuôn khổ quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương), đặc biệt nêu rõ những vấn đề mà chương trình, dự án sẽ hỗ trợ để giải quyết.

- b) Mục tiêu dài hạn (nếu có) và mục tiêu ngắn hạn của chương trình, dự án.
 - c) Những kết quả chủ yếu của chương trình, dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó.
 - d) Nội dung chính của các dự án thành phần hoặc các cấu phần (nếu có) trong chương trình và những hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án.
 - đ) Thời gian thực hiện chương trình, dự án và địa bàn triển khai hoạt động.
 - e) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ. Nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án.
 - g) Tổng giá trị tài trợ, cơ cấu vốn tài trợ theo các hạng mục chủ yếu (chuyên gia trong và ngoài nước, đào tạo trong và ngoài nước, trang thiết bị và vật tư mua trong nước và nhập khẩu, kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong chương trình, dự án (nếu có), chi phí quản lý và các chi phí khác).
 - h) Vốn đối ứng và nguồn đảm bảo.
 - i) Năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án của chủ khoản viện trợ (chủ chương trình, dự án) và chủ các dự án thành phần trong chương trình.
 - k) Phương thức tổ chức, quản lý và thực hiện chương trình, dự án.
 - l) Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án và kế hoạch chi tiết thực hiện trong năm đầu tiên, bao gồm bố trí vốn cho từng hoạt động theo những tiêu chí đã xác định.
 - m) Kế hoạch theo dõi, đánh giá và kiểm toán chương trình, dự án (bằng nguồn vốn chương trình, dự án hoặc nguồn khác nếu có).
 - n) Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.
2. Đối với văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.
3. Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN phải bao gồm các văn bản chủ yếu sau:
- a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ PCPNN
 - b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó.
 - c) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

d) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

đ) Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định tại các điểm a,b,c,d khoản 3 Điều này, cần có thêm các văn bản sau:

- Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên tài trợ;
- Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
- Văn bản giám định phương tiện vận tải còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của nước Bên tài trợ xác nhận.

e) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình, bổ sung vào hồ sơ các văn bản theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

4. Hồ sơ dự án trình thẩm định được lập thành 08 bộ đối với các khoản viện trợ PCPNN theo chương trình, dự án; 05 bộ đối với các khoản viện trợ phi dự án (trong đó có ít nhất là 01 bộ gốc). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch bằng tiếng Việt kèm theo.

Điều 9. Quy trình thẩm định phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

1. Văn kiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN hoặc Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

2. Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Điều 11 Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định.

3. Quy trình thẩm định phê duyệt:

a) Đối với viện trợ PCPNN theo chương trình, dự án:

Thời gian thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN theo chương trình, dự án không quá 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời hạn đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự án : Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định phát hành văn bản lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan.

- Thời hạn các cơ quan liên quan tham gia ý kiến thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định phát hành văn bản đề nghị tham gia thẩm định, các cơ quan liên quan phải có ý kiến trả lời chính thức bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan không có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan thẩm định thì được xem là đồng ý với việc tiếp nhận chương trình, dự án.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định. Trong trường hợp các cơ quan thống nhất ý kiến,

cơ quan thẩm định tập hợp ý kiến trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt. Trường hợp còn có ý kiến không thống nhất, cơ quan thẩm định sẽ chủ trì họp thẩm định dự án với các cơ quan liên quan để thống nhất hoặc trình các ý kiến khác nhau lên Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đối với khoản viện trợ phi dự án (viện trợ không thuộc chương trình, dự án, dưới dạng hiện vật, tiền mặt hoặc chuyên gia cho các mục đích nhân đạo từ thiện) và cứu trợ khẩn cấp:

Thời gian thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN phi dự án không quá 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời hạn đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự án: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định phát hành văn bản lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan.

- Thời hạn các cơ quan liên quan tham gia ý kiến thẩm định: Không quá 04 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định phát hành văn bản đề nghị tham gia thẩm định, các cơ quan liên quan phải có ý kiến chính thức trả lời bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan không có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan thẩm định thì được xem là đồng ý với việc tiếp nhận dự án.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định, cơ quan thẩm định tập hợp ý kiến trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt.

- Cứu trợ khẩn cấp được thực hiện khẩn trương ngay sau khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp (thiên tai hoặc tai họa khác) và kéo dài tối đa là 3 tháng sau khi các trường hợp khẩn cấp chấm dứt. Sau thời hạn trên, nếu khoản cứu trợ này vẫn được tiếp tục thì được coi là viện trợ khắc phục hậu quả sau khẩn cấp và được phê duyệt, thực hiện theo quy trình và thủ tục quy định thông thường đối với khoản viện trợ PCPNN.

Điều 10. Đầu mối tiếp nhận thẩm định các khoản viện trợ PCPNN:

1. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ khoản viện trợ PCPNN, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Khoản viện trợ PCPNN theo chương trình, dự án:

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Khoản viện trợ PCPNN phi dự án và các khoản cứu trợ khẩn cấp:

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tiếp nhận và thẩm định khoản viện trợ phi dự án trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận theo qui định.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh có thẩm quyền phê duyệt:

a) Các khoản viện trợ PCPNN không kể qui mô nguồn vốn trừ các trường hợp sau đây:

- Các khoản viện trợ PCPNN có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các khoản viện trợ trực tiếp hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và các cấp cao hơn, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước, ngành, lãnh thổ;

- Các khoản viện trợ PCPNN liên quan tới việc nhập khẩu ô tô và các phương tiện vận tải khác (máy bay, tàu, thuyền...);

b) Các khoản hàng hóa đã qua sử dụng có kết cấu đơn giản còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới (được Bên tài trợ có văn bản xác nhận) thuộc danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại khoản 1 điểm b của khoản này;

c) Các khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

d) Các khoản viện trợ mà đối tượng tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, kinh doanh theo qui định hiện hành.

Chương IV

QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Hình thức quản lý thực hiện các chương trình, dự án PCPNN:

1. Chủ khoản viện trợ PCPNN trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện hoặc giao cho một đơn vị thuộc thẩm quyền làm Chủ dự án trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật.

2. Chủ khoản viện trợ PCPNN trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện chương trình, dự án đầu tư.

Điều 13. Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN (Ban QLDA)

1. Ban Quản lý chương trình, dự án phải được chủ khoản viện trợ PCPNN hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh (trong trường hợp Ủy ban Nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện) ban hành quyết định thành lập trong vòng 15 ngày sau khi chương trình, dự án được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt. Tại quyết định này, cấp có thẩm quyền thành lập Ban QLDA bổ nhiệm Giám đốc cũng như các thành viên và phê duyệt đồng Giám đốc Ban Quản lý chương trình, dự án (do Bên tài trợ giới thiệu, nếu có) và quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý chương trình, dự án.

2. Ban QLDA là người đại diện cho chủ khoản viện trợ PCPNN, được thay mặt chủ khoản viện trợ PCPNN thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước chủ khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản, cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN và trước pháp luật về các quyết định của mình.

3. Ban QLDA được thành lập trong vòng 15 ngày sau khi chương trình, dự án được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 phê duyệt.

4. Ban Quản lý chương trình, dự án được mở tài khoản tại ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam hoặc Kho bạc Nhà nước Việt Nam và có con dấu riêng để thực hiện chương trình, dự án viện trợ PCPNN phù hợp với quy định của pháp luật và các thỏa thuận hoặc cam kết đã ký kết.

5. Ban Quản lý chương trình, dự án phải có trụ sở là nơi làm việc và giao dịch chính thức, thường xuyên trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

Điều 14. Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN

Thuế đối với các khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp lệnh hiện hành về thuế đối với các khoản viện trợ.

Điều 15. Đấu thầu và đấu giá

Việc đấu thầu hoặc đấu giá đối với khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 16. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong quá trình thực hiện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh

1. Các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ có các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không dẫn đến thay đổi các mục tiêu cụ thể, cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện, các kết quả chính và địa bàn thực hiện của chương trình, dự án đã được phê duyệt, các điều chỉnh về tiến độ thực hiện không vượt quá 12 tháng so với thời hạn hoàn thành dự án đã được phê duyệt.

2. Những điều chỉnh, bổ sung có các nội dung không liên quan đến văn hóa, an ninh, quốc phòng..., nhập khẩu xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

3. Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các chương trình, dự án viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tương ứng tại Quy chế này.

Chương V

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Kiểm tra, quản lý, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Bên tài trợ tổ chức tiến hành các phiên họp kiểm

điểm định kỳ (hàng năm) và đột xuất đối với các chương trình, dự án viện trợ PCPNN; kiểm tra giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện viện trợ PCPNN theo thẩm quyền theo định kỳ (6 tháng, năm).

2. Kinh phí cho công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN của cơ quan quản lý nhà nước được cấp từ Ngân sách nhà nước theo chức năng và nhiệm vụ trong công tác quản lý, giám sát, đánh giá viện trợ PCPNN nêu tại Chương VI của Quy chế này.

Điều 18. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCPNN

1. Ban Quản lý chương trình, dự án viện trợ PCPNN có trách nhiệm:

Lập và gửi báo cáo định kỳ 06 tháng chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau cho chủ khoản viện trợ PCPNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm:

a) Xây dựng và gửi báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Nhân dân tỉnh đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

b) Xây dựng và gửi báo cáo kết thúc: chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCPNN cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Nhân dân tỉnh, đồng gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN.

c) Các báo cáo cho Bên tài trợ thực hiện theo thỏa thuận với Bên tài trợ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo tổng hợp 6 tháng và hàng năm về tình hình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Mẫu biểu báo cáo đối với Ban quản lý dự án; Chủ khoản viện trợ và cơ quan chủ quản được quy định tại Chương IV, Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Nội dung quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn

Ủy ban Nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước nguồn viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quyết định hướng ưu tiên vận động và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh cho từng thời kỳ.

2. Cụ thể hóa các qui định về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, đường lối chung của Nhà nước Việt Nam.

3. Điều hành chung công tác quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối trong việc điều phối, quản lý các khoản viện trợ do nước ngoài tài trợ và tổng hợp tình hình viện trợ để báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và các cơ quan cấp trên. Sở Kế hoạch và Đầu tư có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan xây dựng Định hướng thu hút và vận động nguồn vốn viện trợ PCPNN và lập danh mục dự án vận động hàng năm trình Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định.

2. Giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh quản lý các khoản viện trợ PCPNN do các cá nhân và tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trên địa bàn theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Chủ trì thẩm định và tổng hợp các ý kiến liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN được quy định tại Điều 11 và việc bổ sung, điều chỉnh các chương trình, dự án được quy định tại Điều 16 Quy chế này.

4. Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành cơ quan liên quan thẩm định các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

5. Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các chương trình, dự án viện trợ phi chính phủ (khi có yêu cầu về vốn đối ứng).

6. Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra định kỳ 6 tháng, năm về tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện; tổng hợp, phân tích, đánh giá hiệu quả các khoản viện trợ PCPNN báo cáo định kỳ cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Phát hiện và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm trong quá trình quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN của các đơn vị.

8. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN do các cá nhân và tổ chức phi chính phủ viện trợ cho các đơn vị hành chính

sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trên địa bàn theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận các khoản viện trợ phi dự án và viện trợ khẩn cấp của các tổ chức phi chính phủ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh được quy định khoản 2 Điều 11 của Quy chế này.

3. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ PCPNN theo đúng qui định Nhà nước hiện hành.

5. Phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan, phát sinh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ của các tổ chức PCPNN theo đúng thẩm quyền.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc bố trí nguồn vốn đối ứng cho các chương trình, dự án viện trợ PCPNN.

7. Phát hiện và xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quá trình quản lý và sử dụng nguồn viện trợ của các đơn vị.

8. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng, một năm về kết quả tiếp nhận viện trợ của các tổ chức PCPNN cho UBND tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối trong công tác vận động nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

1. Trên cơ sở các lĩnh vực ưu tiên tài trợ của các tổ chức PCPNN và nhu cầu kêu gọi viện trợ PCPNN của các ngành và địa phương, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác vận động và tranh thủ viện trợ của các tổ chức PCPNN nước ngoài.

2. Quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn theo quy định.

3. Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh có ý kiến với Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong việc cấp và gia hạn các loại giấy phép của các tổ chức phi chính phủ; tiếp nhận, xem xét, chuẩn y các giấy đăng ký hoạt động của các loại tổ chức trên.

4. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

5. Phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan, phát sinh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ của các tổ chức PCPNN theo đúng thẩm quyền.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng, một năm về kết quả vận động và tiếp nhận viện trợ của các tổ chức PCPNN cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

1. Nghiên cứu, tập hợp tư liệu về các tổ chức PCPNN có quan hệ với tỉnh và các tổ chức PCPNN tuy chưa có quan hệ nhưng có khả năng viện trợ để phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh có chủ trương chỉ đạo, tiến hành việc tiếp xúc, vận động viện trợ.

2. Phối hợp với Sở Ngoại vụ cung cấp cho các đơn vị, địa phương những thông tin có liên quan đến việc tranh thủ vận động viện trợ của các tổ chức PCPNN.

3. Kêu gọi sự cứu trợ khẩn cấp của các tổ chức PCPNN khi gặp thiên tai và trong các trường hợp khẩn thiết theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng, một năm về kết quả tiếp nhận viện trợ của các tổ chức PCPNN cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Công an tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh về những vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội trong quan hệ viện trợ với các tổ chức PCPNN;

2. Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định trong quan hệ giữa các đơn vị với các tổ chức PCPNN, phối hợp với các ngành chức năng giải quyết các vấn đề phát sinh;

3. Tham gia ý kiến với Sở Ngoại vụ về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung các loại giấy phép của các tổ chức PCPNN hoạt động trên địa bàn;

4. Phối hợp Sở Ngoại vụ xác minh và tuyển chọn nhân viên Việt Nam làm việc cho các tổ chức PCPNN khi có yêu cầu.

5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế có liên quan đến quan hệ viện trợ với các tổ chức phi chính phủ, có trách nhiệm:

1. Có ý kiến bằng văn bản về các khoản viện trợ PCPNN do các tổ chức PCPNN cam kết tài trợ cho các đơn vị trực thuộc trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính);

2. Chỉ đạo, giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các đơn vị trực thuộc theo đúng cam kết, thỏa thuận với các tổ chức PCPNN và quy định của Nhà nước. Khi có phát sinh những vấn đề vướng mắc phải kịp thời thông báo cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết;

3. Quản lý hoạt động của các đoàn thuộc tổ chức PCPNN làm việc với các đơn vị trực thuộc. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và Ban Tôn giáo để thống nhất việc đón tiếp và làm việc của các đơn vị tiếp nhận viện trợ với các tổ chức phi chính phủ thuộc các tổ chức tôn giáo;

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, một năm cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Nhân dân tỉnh về các hoạt động có liên quan đến nguồn viện trợ của các tổ chức PCPNN, kể cả nguồn viện trợ do ngành dọc phân bổ.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận viện trợ

Đơn vị tiếp nhận viện trợ của các tổ chức PCPNN có các nhiệm vụ sau:

1. Trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt các khoản viện trợ của các tổ chức PCPNN trước khi triển khai thực hiện.

2. Sử dụng nguồn viện trợ đúng mục đích theo dự án đã được phê duyệt, chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý tài chính.

3. Chấp hành các quy định của Nhà nước về việc mời đoàn vào, tiếp xúc, làm việc với các đoàn thuộc các tổ chức PCPNN, kịp thời báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các tổ chức phi chính phủ;

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn các tổ chức PCPNN về các quy định của Nhà nước liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài và quy chế hoạt động của các tổ chức PCPNN tại Việt Nam theo qui định hiện hành;

5. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về các hoạt động có liên quan đến nguồn viện trợ của các tổ chức PCPNN, kể cả nguồn viện trợ do ngành dọc phân bổ theo chế độ báo cáo qui định tại Điều 18 Quy chế này.

6. Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc dự án, căn cứ vào các quy định hiện hành, Giám đốc chương trình, dự án viện trợ, thủ trưởng các đơn vị sử dụng viện trợ có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu chi viện trợ theo đúng các quy định về quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại.

Điều 27. Khen thưởng

Các ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc vận động, tiếp nhận và quản lý việc sử dụng các nguồn viện trợ PCPNN sẽ được xét khen thưởng.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Đối với các khoản viện trợ PCPNN không hợp lệ hoặc vi phạm các quy định trong Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, đình chỉ thực hiện để báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc chuyển giao cho cơ quan chức năng của Việt Nam xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo:

Đối với các trường hợp vi phạm chế độ báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư được áp dụng các hình thức xử lý sau:

- Vi phạm chế độ báo cáo không thường xuyên: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản yêu cầu cơ quan vi phạm chế độ báo cáo giải trình nguyên nhân vi phạm và cam kết thực hiện những biện pháp khắc phục;

- Vi phạm chế độ báo cáo có hệ thống, kéo dài: Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh những trường hợp này và đề xuất các biện pháp xử lý thích hợp, kể cả đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh không phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN do các cơ quan này đề xuất cho đến khi tình hình chấp hành chế độ báo cáo được cải thiện.

3. Lãnh đạo các cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN, cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ PCPNN chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những vi phạm nêu trên.

4. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này thì theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

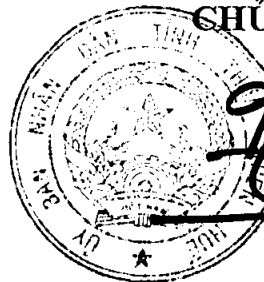
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Các ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động viện trợ với các tổ chức phi chính phủ phải tuân thủ Quy chế này.

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh lên Ủy ban Nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với tình hình thực tế.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Cao